

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly  
hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Bích Thơ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Văn Khon

2. Ông Phạm Văn Liệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Nguyễn Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Thùy T, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Phan Anh T1, sinh năm:1996; Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Thanh T2, sinh năm: 1970;

Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không có lý do, người làm chứng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;*

*Nguyên đơn chị Dương Thị Thùy T trình bày:* Chị T và anh T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th ngày 13/02/2019, đến tháng 4/2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cự cãi, đánh nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân cho đến nay. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Nay chị Thùy T yêu cầu: Ly hôn với anh T1, con chung, tài sản và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 1, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng như tham dự phiên họp hòa giải và phiên tòa 02 lần, nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh T1 về yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa chị T trình bày: Chị và anh T1 tự nguyện tìm hiểu nhau khoảng từ 2-3 năm, đến ngày 13/2/2019 đăng ký kết hôn và tháng 3/2019 tổ chức đám cưới, sau cưới anh chị đi làm công nhân ở Bình Dương, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T1 đi làm lấy tiền đi ăn chơi, nếu chị khuyên can thì anh T1 đánh đập nhiều lần, chị đã có báo cho gia đình và nhờ gia đình khuyên ngăn nhưng anh T1 không thay đổi tính tình. Vì vậy chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh T1 từ tháng 11/2019 cho đến nay, khi ly thân anh chị không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm.

Nay chị T không còn tình cảm với anh T1 nên yêu cầu ly hôn với anh T1, con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình như không đến tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình là thiếu sót vi phạm vào Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh T1, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp B, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh

Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Chị T và anh T1, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T1, nên phát sinh tranh chấp ly hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp ly hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay anh T1 vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã tiến hành tổng đạt tổng đạt trực tiếp cho bà Trần Thị Thanh T2 là mẹ ruột của anh T1 nhận thay và cam kết giao lại cho anh T1. Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2020, bà T2 khai có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc yêu cầu ly hôn của chị T và có giao lại cho anh T1 biết, nhưng anh T1 không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống anh chị thường hay cự cãi dẫn đến đánh đập, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị ly thân từ tháng 11/2019 đến nay nhưng anh chị và gia đình hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm. Anh T1 đã được Tòa án thông báo hòa giải 02 lần để tạo cơ hội cho anh chị hàn gắn tình cảm, nhưng anh T1 không đến, từ đó cho thấy anh T1 không muốn hàn gắn đoàn tụ với chị T. Tại phiên tòa chị T cương quyết ly hôn với anh T1, nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2.] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Về án phí:

Nguyên đơn chị Dương Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh T1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Thùy T đối với anh Phan Anh T1, cho chị Dương Thị Thùy T ly hôn với anh Phan Anh T1.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019-0002134 ngày 05/8/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2020). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng Thông tin Điện tử Tòa án;
- UBND xã T, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lý Thị Bích Thơ**